

KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, THỰC HÀNH VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN HÚT THUỐC LÁ Ở NAM THANH NIÊN TỪ 15-24 TUỔI, TẠI QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

KNOWLEDGE, ATTITUDE AND PRACTICE OF TOBACCO SMOKING AMONG MALES AGED 15-24 YEARS IN HAI CHAU DISTRICT, DANANG CITY

Đoàn Thị Ngọc Trâm, Trần Thị Minh Huệ, Hoàng Nguyễn Nhật Linh

Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng; doanngoctr@gmail.com

Tóm tắt - Nghiên cứu nhằm đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành và một số yếu tố liên quan đến hút thuốc lá ở nam thanh niên từ 15 – 24 tuổi sống tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Đã có 330 người tham gia khảo sát. Kết quả cho thấy: 19,09% nam thanh niên đang hút thuốc lá; tỷ lệ phơi nhiễm với khói thuốc thụ động là 59,62%. Tỷ lệ thanh niên có kiến thức đúng về các tác hại của hút thuốc lá đối với sức khỏe 56,97%, nhưng đối tượng có kiến thức đúng về các tác hại của hút thuốc lá thụ động chiếm tỷ lệ thấp 17,58%, và 65,15% hoàn toàn không biết về quy định xử phạt hút thuốc lá nơi công cộng. Nghiên cứu cũng chỉ ra mối liên quan giữa nghề nghiệp với hành vi hút thuốc lá, hiểu biết về quy định xử phạt hút thuốc lá nơi công cộng, và hút trên 10 điếu thuốc/ngày; cũng như mối liên quan giữa hành vi hút thuốc lá và gia đình có người thân hút thuốc.

Từ khóa - kiến thức; thái độ; thực hành; hút thuốc lá; hút thuốc thụ động.

Abstract - The aims of the study are to assess knowledge, attitudes and practice of tobacco smoking among young males aged 15-24 years in Hai Chau District, Danang City, as well as to assess factors related with their smoking behaviour. A total of 330 participants are included in the survey. About 19.09% of the young males smoke; the prevalence of passive smoking is 59.62%. About 56.97% of the study participants know that smoking can cause detrimental effects on health; however, only 17.58% of participants have sufficient knowledge about harmful effects of passive smoking. And 65.15% of males do not know about fines applied to smoking in public places. There are relations between occupation and smoking behaviour, knowledge about regulations of smoking in public places as well as consumption of more than 10 cigarettes per day. Smoking behaviour is also found to be related with those whose family members smoke.

Key words - knowledge, attitude; practice; smoking; passive smoking.

1. Đặt vấn đề

Hút thuốc lá là nguyên nhân gây ra 90% các ca ung thư phổi, 75% các ca bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và 25% ca bệnh tim thiếu máu cục bộ. Khói thuốc lá gây nguy hiểm cho cả người hút thuốc và những người thường xuyên hít phải khói thuốc. Theo điều tra toàn cầu về thuốc lá tại Việt Nam năm 2010 (GATS) của Trung tâm kiểm soát và dự phòng bệnh tật của WHO phối hợp với trường Đại học Y Hà Nội, tỉ lệ hút thuốc lá của nhóm tuổi từ 15 – 24 là 13,3% và tỉ lệ này ở nam giới là 26,1%. Ước tính khoảng 15,3 triệu người Việt Nam trưởng thành (trong đó 14,8 triệu nam giới và 477 nghìn nữ giới) đang hút thuốc [2].

Trong thời gian qua, công tác truyền thông giáo dục sức khỏe trên các phương tiện thông tin đại chúng đã tích cực tăng cường tuyên truyền về tác hại của hút thuốc lá. Mặc dù tác hại về sức khỏe do hút thuốc lá và khói thuốc gây ra đã được cảnh báo liên tục, nhưng tình trạng hút thuốc ở thanh thiếu niên hiện nay, đặc biệt là nam thanh niên vẫn là vấn đề sức khỏe đáng quan tâm trong cộng đồng. Điều tra này nhằm tìm hiểu kiến thức, thái độ, thực hành về hút thuốc lá của nam thanh niên từ 15 – 24 tuổi, tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành về hút thuốc lá của nhóm đối tượng này. Kết quả nghiên cứu có thể góp phần trong việc giáo dục phòng chống tác hại thuốc lá ở đối tượng thanh thiếu niên, đặc biệt là tư vấn, giáo dục cho các em về các biện pháp thích hợp để bỏ thuốc lá thành công.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nam thanh niên từ 15 – 24 tuổi

2.2. Địa điểm

Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2.3. Thời gian

Từ 12/2015 – 6/2016.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang
- **Cỡ mẫu:** Công thức tính cỡ mẫu:

$$n = Z^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: p = 26,1%. (Theo kết quả từ điều tra toàn cầu về sử dụng thuốc lá ở người trưởng thành (GATS), 2010) [2]. Độ chính xác mong muốn d=0,05; Z = 1,96 (khoảng tin cậy 95%). Tính được n = 296. Sau khi dự tính 10% cỡ mẫu để dự trừ cho những số liệu bị thiếu sót hoặc những trường hợp từ chối nghiên cứu, cỡ mẫu cho khảo sát là 330.

- Phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu phân tầng không tỷ lệ.

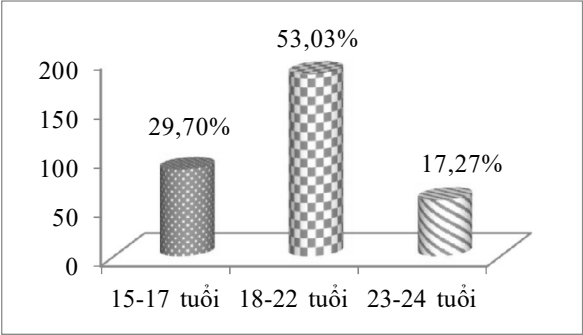
Trong 13 phường trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, chúng tôi chọn ngẫu nhiên 26 đối tượng ở mỗi phường. Sau khi loại các phiếu không hợp lệ, cuối cùng nghiên cứu thu được là 330 phiếu.

- Nội dung nghiên cứu

- + Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu.
- + Kiến thức, thái độ, thực hành của đối tượng về hút thuốc lá.
- + Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành của hút thuốc lá.

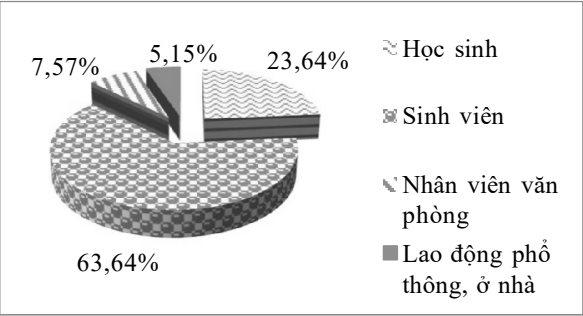
3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu



Hình 1. Tỷ lệ các độ tuổi

Tham gia nghiên cứu gồm: 29,70% đối tượng từ 15-17 tuổi; 53,03% từ 18-22 tuổi và 17,27% từ 23-24 tuổi.



Hình 2. Tỷ lệ nghề nghiệp

Phân tích về nghề nghiệp của những người tham gia trả lời phiếu chỉ ra: 23,64% đối tượng tham gia nghiên cứu là học sinh; 63,64% là sinh viên; 7,57% nhân viên văn phòng và 5,15% lao động phổ thông hoặc ở nhà.

3.2. Kiến thức, thái độ, thực hành của đối tượng về hút thuốc lá

3.2.1. Kiến thức về việc hút thuốc lá

- *Hiểu biết về tác hại của hút thuốc lá đối với sức khỏe*

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 96,97% đối tượng hiểu hút thuốc lá là có hại.

Bảng 1. Tỷ lệ hiểu biết các tác hại của hút thuốc lá đối với sức khỏe

Tác hại của hút thuốc lá đối với sức khỏe	n	Tỷ lệ %
Ung thư phổi	291	88,18
Viêm phổi tắc nghẽn mãn tính	231	70,00
Viêm tắc tĩnh mạch	155	46,97
Giảm khả năng sinh sản	136	41,21
Cao răng, sâu răng	207	62,73

Bảng 1 cho thấy số đối tượng biết hút thuốc lá gây ung thư phổi chiếm tỷ lệ cao 88,18%, tiếp đến là viêm phổi tắc nghẽn mãn tính 70,00%, cao răng sâu răng 62,73%. Viêm tắc tĩnh mạch và giảm khả năng sinh sản được biết đến với tỷ lệ thấp hơn 46,97% và 41,21%.

Tuy nhiên, tỷ lệ người tham gia nghiên cứu có kiến thức đúng về tất cả các tác hại của hút thuốc lá đối với sức khỏe chiếm tỷ lệ tương đối thấp 56,97% (188/330).

- *Hiểu biết về tác hại của hút thuốc lá thụ động*

Kết quả cho thấy, 93,64% đối tượng hiểu rằng khói

thuốc lá của người khác sẽ gây ảnh hưởng cho mình. Theo điều tra sử dụng thuốc lá của học sinh tuổi 13 -15 của Quỹ Phòng chống Tác hại Thuốc lá năm 2014, 89,3% học sinh từ 13-15 tuổi cũng nghĩ rằng khói thuốc của người khác sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe của các em[3].

Bảng 2. Tỷ lệ hiểu biết các nguy cơ của hút thuốc thụ động đối với sức khỏe

Các nguy cơ của hút thuốc thụ động	n	Tỷ lệ %
Bệnh tim mạch	165	50,00
Ung thư phổi	248	75,15
Trẻ sơ sinh nhẹ cân	97	29,39
Tăng nguy cơ đẻ non	92	27,88
Không biết	25	7,58

Tỷ lệ hiểu biết về các nguy cơ của hút thuốc thụ động chưa đồng đều. Nguy cơ ung thư phổi được các đối tượng hiểu biết với tỷ lệ cao nhất 75,15%, tiếp đến là bệnh tim mạch: 50,00%. Hai nguy cơ ảnh hưởng của khói thuốc thụ động đến bà mẹ mang thai (tăng nguy cơ đẻ non) và trẻ sơ sinh (sinh ra nhẹ cân) được biết với tỷ lệ khá thấp: 27,88% và 29,39%.

Số đối tượng có kiến thức đúng về tất cả các tác hại của hút thuốc lá thụ động đối với sức khỏe chiếm tỷ lệ rất thấp 58/330 (17,58%). Vẫn còn 7,58% đối tượng không biết các tác hại của hút thuốc thụ động.

- *Hiểu biết về Quy định xử phạt cấm hút thuốc nơi công cộng*

65,15% đối tượng nghiên cứu hoàn toàn không biết về Quy định xử phạt cấm hút thuốc nơi công cộng. 47,27% đối tượng biết có quy định xử phạt nhưng chỉ có 25,12% đối tượng hiểu đúng về mức xử phạt của Quy định này.

Theo đánh giá việc thực hiện quy định cấm hút thuốc tại nơi làm việc tại thành phố Đà Nẵng năm 2011 cho thấy 93,1% các đơn vị đều có ban hành quy định về cấm hút thuốc nơi làm việc, cơ sở y tế, trường học... tuy nhiên việc phổ biến các quy định đó chưa đến toàn thể mọi người và vấn đề xử phạt chưa thực hiện nghiêm, chính vì vậy người dân không quan tâm hoặc có hiểu biết về Quy định nhưng không đầy đủ [5].

3.2.2. Thái độ về việc hút thuốc lá

Khi được hỏi về việc ủng hộ quy định cấm hút thuốc nơi công cộng, thái độ của các đối tượng thể hiện với các mức độ khác nhau: 69,70% ủng hộ, 19,70% không ủng hộ và 10,61% không quan tâm. Theo kết quả đánh giá trước can thiệp dự án Truyền thông vận động ban hành luật và thực thi môi trường không khói thuốc 2008, 84,8% ủng hộ quy định cấm hút thuốc lá tại các trường phổ thông và đại học. 60% ủng hộ quy định cấm hút thuốc lá trên các phương tiện giao thông công cộng. 87,1% ủng hộ quy định cấm hút thuốc lá tại các cơ sở y tế và tại các cơ quan nhà nước [1].

3.2.3. Tình trạng hút thuốc lá

- *Tình trạng hút thuốc lá*

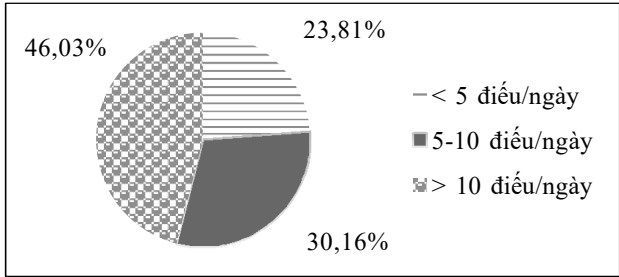
Kết quả nghiên cứu cho thấy 19,09% nam thanh niên hiện đang hút thuốc; 13,94% đã từng hút thuốc lá và 66,97% chưa từng hút. Tỷ lệ này phù hợp với nghiên cứu về sử dụng thuốc lá trong thanh thiếu niên của Bộ Y tế: tỷ lệ hút thuốc trong thanh thiếu niên đang tăng và độ tuổi bắt

đầu hút thuốc ngày càng trẻ. Có tới 21% nam thanh niên từ 16 đến 24 tuổi là người hút thuốc [2].

Bảng 3. *Tình trạng hút thuốc lá*

Tình trạng hút thuốc lá	n	Tỷ lệ %
Hiện đang hút	63	19,09
Đã từng hút	46	13,94
Chưa từng hút	221	66,97
Tổng	330	100,00

- Trung bình số lượng điều thuốc hút trong ngày



Hình 3. *Trung bình số lượng điều thuốc hút trong ngày*

Hình 3 thể hiện, 23,81% đối tượng hút <5 điều thuốc/ngày, 30,16% hút 5-10 điều thuốc/ngày và 46,03% hút >10 điều thuốc/ngày.

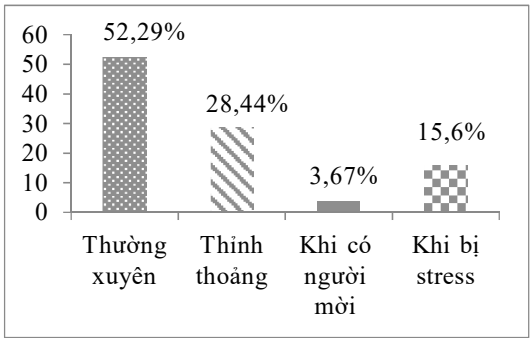
- Tỷ lệ các loại thuốc thường được hút

Bảng 4. *Tỷ lệ các loại thuốc thường được hút*

Loại thuốc thường hút	n	Tỷ lệ %
Có đầu lọc ngoại	44	40,37
Có đầu lọc nội	53	48,62
Không đầu lọc	6	5,50
Thuốc lá điện tử	5	4,59
Shisha	1	0,92

Loại thuốc có đầu lọc nội được hút nhiều nhất 48,62%, tiếp đến là thuốc có đầu lọc ngoại 40,37%. Thuốc lá điện tử và shisha là một sản phẩm mới xuất hiện trong thời gian gần đây, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người hút cũng được các đối tượng sử dụng với tỷ lệ 4,59% và 0,92%.

- Tần suất hút thuốc của các đối tượng khảo sát



Hình 4. *Tần suất hút thuốc của các đối tượng khảo sát*

Trong số những người có hút thuốc lá, 52,29% hút thuốc thường xuyên (ngày nào cũng hút), 28,44% thỉnh thoảng hút (hút một số ngày trong tuần), 3,67% hút khi có người mời và 19,27% hút khi có áp lực trong công việc, cuộc sống.

- Sống trong gia đình có người hút thuốc

63,03% đối tượng sống trong gia đình có người hút thuốc. Trong đó, bố hút thuốc chiếm tỷ lệ cao 54,24%, có mẹ hút thuốc chiếm 5,15%, và người thân khác là 20,30%.

59,62% đối tượng có nguy cơ phơi nhiễm với khói thuốc thụ động do trong gia đình có người hút thuốc trong nhà.

3.3. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành của đối tượng nghiên cứu về hút thuốc lá

- *Mối liên quan giữa nghề nghiệp và hiểu biết về Quy định xử phạt hút thuốc lá nơi công cộng*

Bảng 5. *Tỷ lệ hiểu biết về Quy định xử phạt hút thuốc nơi công cộng theo nghề nghiệp*

Nghề nghiệp	n	Biết Quy định xử phạt	Tỷ lệ %	p
Nhân viên văn phòng	25	21	84,00	<0,05
Học sinh, sinh viên	288	130	45,14	
Lao động phổ thông, ở nhà	17	5	29,41	
Tổng	330	156	47,27	

Có mối liên quan giữa nghề nghiệp và sự hiểu biết về Quy định xử phạt hút thuốc lá nơi công cộng. Đối tượng lao động phổ thông, ở nhà có tỷ lệ hiểu biết thấp nhất, trong khi đó học sinh, sinh viên có tỷ lệ hiểu biết cao hơn 45,14% và nhân viên văn phòng có hiểu biết cao nhất 84% (p < 0,05).

Đà Nẵng là một trong 3 tỉnh thành (Thái Nguyên, Đà Nẵng, Tiền Giang) được Chương trình phòng chống tác hại thuốc lá Bộ Y tế (Vinacosh) triển khai dự án “Xây dựng mô hình môi trường không khói thuốc tại 3 tỉnh/thành phố của Việt Nam” [6]. Đây cũng là yếu tố tích cực, góp phần tăng hiểu biết về các chính sách văn bản tại các cơ quan và trường học trên địa bàn thành phố.

- *Mối liên quan giữa nghề nghiệp và hành vi hút thuốc lá*

Bảng 6. *Phân bố tỷ lệ có hút thuốc theo nghề nghiệp*

Nghề nghiệp	n	Có hút thuốc	Tỷ lệ %	p
Học sinh, sinh viên	288	39	13,54	<0,05
Nhân viên văn phòng	25	12	48,00	
Lao động phổ thông, ở nhà	17	12	70,59	
Tổng	330	63	19,09	

Có mối liên quan giữa nghề nghiệp và hút thuốc lá. Học sinh, sinh viên hút thuốc chiếm tỷ lệ thấp nhất 13,54%, tiếp đến là nhân viên văn phòng 48,00% và những người lao động phổ thông hoặc ở nhà có tỷ lệ hút thuốc cao nhất: 70,59% (p < 0,05%). Hành vi hút thuốc của các đối tượng như nhân viên văn phòng, lao động phổ thông thường do áp lực của công việc, cuộc sống hoặc do bạn bè, đồng nghiệp rủ rê.

- *Mối liên quan giữa hành vi hút thuốc lá và gia đình có người hút thuốc lá*

Những đối tượng mà trong gia đình cũng có người hút thuốc lá (bố, mẹ, người thân...) có tỷ lệ hút thuốc cao hơn so với những đối tượng trong gia đình không có người hút thuốc lá (p < 0,05). Điều này rất phù hợp với thực tế. Hành vi hút thuốc lá của những người thân trong gia đình sẽ ảnh

hường đến thể hệ trẻ, làm cho các em bắt chước theo.

Bảng 7. Tỷ lệ đối tượng có hút thuốc lá theotình trạng gia đình có người hút thuốc lá

Gia đình có người hút thuốc lá	n	Đối tượng có hút thuốc lá	Tỷ lệ %	p
Có	208	47	22,60	<0,05
Không	122	16	13,11	
Tổng	330	63	19,09	

- Mỗi liên quan giữa nghề nghiệp và số điều thuốc hút >10 điều/ngày

Có mối liên quan giữa nghề nghiệp và số điều thuốc >10 điều/ngày. Học sinh, sinh viên có tỷ lệ hút > 10 điều thuốc/ngày thấp hơn so với các đối tượng đi làm hoặc ở nhà (p <0,05). Đây là giai đoạn các em thường bắt đầu làm quen với thuốc lá do đó nhu cầu sử dụng thuốc lá không nhiều bằng các đối tượng khác.

Bảng 8. Tỷ lệ đối tượng hút >10 điều/ ngày theo nghề nghiệp

Nghề nghiệp	n	Hút > 10 điều/ngày	Tỷ lệ %	p
Học sinh, sinh viên	39	12	30,77	<0,05
Các đối tượng khác	24	17	70,83	
Tổng	63	29	53,97	

4. Kết luận

Từ những phân tích đã trình bày ở trên, có thể rút ra một số điểm như sau.

- 19,09% nam thanh niên từ 15-24 tuổi hiện đang hút thuốc; 13,94% đã từng hút thuốc lá.

- 56,97%đối tượng có kiến thức đúng về tất cả các tác hại của hút thuốc lá đối với sức khỏe. 93,64% đối tượng hiểu rằng khói thuốc lá của người khác sẽ gây ảnh hưởng cho mình. Số đối tượng có kiến thức đúng về tất cả các tác hại của hút thuốc lá thụ động đối với sức khỏe chiếm tỷ lệ rất thấp 17,58%. Vẫn còn 7,58% đối tượng không biết các tác hại của hút thuốc thụ động.

- 65,15% đối tượng hoàn toàn không biết về Quy định xử phạt hút thuốc lá nơi công cộng. 69,70% ủng hộ quy định cấm hút thuốc nơi công cộng. 63,03% đối tượng sống

trong gia đình có người hút thuốc. 59,62% đối tượng có nguy cơ phơi nhiễm với khói thuốc thụ động.

- Có mối liên quan giữa nghề nghiệp và hiểu biết về Quy định xử phạt hút thuốc lá nơi công cộng, liên quan giữa nghề nghiệp và hành vi hút thuốc lá, liên quan giữa nghề nghiệp và số điều thuốc hút >10 điều/ngày,liên quan giữa hành vi hút thuốc lá và gia đình có người hút thuốc (p<0,05).

Kết quả trên có thể được dùng làm là cơ sở giúp các nhà trường, tổ chức xã hội và các nhà hoạch định chính sách xây dựng chương trình, đề án về phòng chống tác hại thuốc lá tại thành phố Đà Nẵng nói riêng và cả nước nói chung nhằm hiện thực hóa Chiến lược quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020 là"giảm tỷ lệ hút thuốc lá ở thanh thiếu niên từ 15 - 24 tuổi từ 26% năm 2011 xuống 18% năm 2020" [4], góp phần tạo ra một môi trường Đà Nẵng không có khói thuốc.

Kiến nghị: Tăng cường truyền thông giáo dục sức khỏe về tác hại của thuốc lá và hút thuốc thụ động trong nhà trường, cơ sở làm việc và cộng đồng dân cư, truyền thông về các phương pháp cai nghiện thuốc lá hiệu quả đồng thời tích cực nhân rộng và triển khai mô hình cộng đồng không thuốc lá tại thành phố Đà Nẵng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Chương trình phòng chống tác hại thuốc lá (Vinacosh), Tình hình thực thi môi trường không khói thuốc lá tại Việt Nam.

[2] Lương Ngọc Khuê, Phan Thị Hải (2010), “Tỉ lệ sử dụng thuốc lá ở người trưởng thành tại Việt Nam: Kết quả từ điều tra toàn cầu về sử dụng thuốc lá ở người trưởng thành (GATS), 2010”, Tạp chí Y học thực hành (745), số 12/2010.

[3] Quỹ Phòng chống tác hại của thuốc lá, Các kết quả chính trong điều tra toàn cầu về tình hình sử dụng thuốc lá trong nhóm thanh niên tại Việt Nam (GYTS) năm 2014.

[4] Quyết định 229/2013/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020.

[5] Đoàn Thị Ngọc Trâm (2010), Nghiên cứu đánh giá việc thực hiện quy định cấm hút thuốc lá tại nơi làm việc.

[6] Nguyễn Út, Huỳnh Bá Tân, Võ Thu Tùng, Đoàn Thị Ngọc Trâm & cs (2011), Nghiên cứu tình hình hút thuốc lá và việc thực hiện các chính sách phòng chống tác hại thuốc lá tại thành phố Đà Nẵng.

(BBT nhận bài: 29/6/2016, phản biện xong: 15/07/2016)